PHỤ LỤC

ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 395.2021/ QĐ - VPCNCL ngày 08 tháng 07 năm 2021 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng xét nghiệm: **PHÒNG XÉT NGHIỆM VI SINH BỆNH PHẨM - KHOA XÉT NGHIỆM SINH HỌC LÂM SÀNG**

Medical Testing Laboratory: ***LABORATORY OF MEDICAL MICROBIOLOGY - DEPARTMENT OF BIOMEDICAL, FOOD ANALYSIS AND HEALTH SERVICE***

Cơ quan chủ quản: **Viện Pasteur TP.HCM**

Organization: ***Pasteur Institute in Ho Chi Minh City***

Lĩnh vực xét nghiệm: **Vi sinh**

Field of testing: ***Microbiology***

Người phụ trách/ *Representative:* **Vũ Lê Ngọc Lan**

Người có thẩm quyền ký/ A*pproved signatory*:

TT/No	Họ và tên / Name	Phạm vi / Scope
1	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn	Các xét nghiệm được công nhận/ *Accredited medical tests*
2	Vũ Lê Ngọc Lan	
3	Uông Nguyễn Đức Ninh	

Số hiệu/ *Code:* **VILAS Med 011**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* **08/07/2024**

Địa chỉ/ *Address*: **167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.HCM / *167 Pasteur street, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCMC***

Địa điểm/*Location:* **167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.HCM / *167 Pasteur street, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCMC***

Điện thoại/ Tel: **028.38.230.352/159**

E-mail: **vulengoclan@gmail.com**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM

LIST OF MEDICAL TESTS

VILAS Med 011

Lĩnh vực xét nghiệm: **Vi sinh**

Discipline of medical testing: ***Microbiology***

STT *No.*	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) *Type of sample (speciment)/ anticoaggulant (if any)*	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm cụ thể *(The name of medical tests)*	Kỹ thuật xét nghiệm *(Technical test)*	Phương pháp xét nghiệm *(Test method)*
1.	**Nước tiểu** ***Urine***	Phân lập, định danh vi khuẩn *Escherichia coli* và thực hiện kháng sinh đồ. *Isolation, identification, and antibiotic susceptibility testing of Escherichia coli.*	Nuôi cấy, định danh, kháng sinh đồ. *Isolation, identification and antibiotic susceptibility.*	SHLS/QTXN/01/ (VSBP)
2.	***Nước tiểu*** ***Urine***	Phân lập, định danh vi khuẩn *Staphylococcus aureus* và thực hiện kháng sinh đồ. *Isolation, identification, and antibiotic susceptibility testing of Staphylococcus aureus.*	Nuôi cấy, định danh, kháng sinh đồ. *Isolation, identification and antibiotic susceptibility.*	SHLS/QTXN/01/ (VSBP)
3.	**Phân, phết trực tràng** ***Feces, rectal swab***	Phân lập, định danh vi khuẩn *Shigella flexneri* và thực hiện kháng sinh đồ. *Isolation, identification and antibiotic susceptibility testing of Shigella flexneri.*	Nuôi cấy, định danh, kháng sinh đồ. *Isolation, identification and antibiotic susceptibility.*	SHLS/QTXN/02/ (VSBP)
4.	**Niệu đạo, âm đạo, tổn thương sinh dục, phết cổ tử cung** ***Urethra, vagina, genital lesion, cervical swab***	Phân lập, định danh vi khuẩn gây bệnh và thực hiện kháng sinh đồ. *Isolation, identification of pathogenic bacteria and antibiotic susceptibility testing.*	Nuôi cấy, định danh, kháng sinh đồ. *Isolation, identification and antibiotic susceptibility.*	SHLS/QTXN/03/ (VSBP)
5.	**Mủ, tiết dịch** ***Abscess and exudate***	Phân lập, định danh vi khuẩn gây bệnh và thực hiện kháng sinh đồ. *Isolation, identification of pathogenic bacteria and antibiotic susceptibility testing.*	Nuôi cấy, định danh, kháng sinh đồ. *Isolation, identification and antibiotic susceptibility.*	SHLS/QTXN/04/ (VSBP)

Ghi chú/Note: SHLS/QTXN… Qui trình xét nghiệm do PXN xây dựng / Laboratory developed methods.